TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN LAO ĐỘNG VIỆC LÀM TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 Ở NƯỚC TA.

Nguyễn Thị Thúy – BM KHXH

Năm 2021, Việt Nam gánh chịu 2 trận dịch Covid-19 bùng phát, lần 1 là trước và trong dịp Tết nguyên đán, lần 2 là ngay trong dịp nghỉ lễ 30/4, điều này đã có tác động rất lớn đến vấn đề lao động việc làm và mức thu nhập của người lao động.

1. Dân số và lực lượng lao động của Việt Nam hiện nay

a. Về dân số

Dân số hiện tại của Việt Nam là 98.422.687 người vào ngày 27/10/2021 theo số liệu mới nhất từ Liên Hợp Quốc. Dân số Việt Nam hiện chiếm 1,25% dân số thế giới. Trong đó, có 37,34% dân số sống ở thành thị.

Hình 1: Bảng dân số Việt Nam

Năm	Dân số	% thay đổi	Thay đổi	Di cư	Tuổi trung bình	Tỷ lệ sinh	Mật độ	% dân thành thị	Dân thành thị	% thế giới	Thế giới	Hạng
2020	97.338.579	0,91	876.473	-80.000	32,50	2,06	314	37,70	36.727.248	1,25	7.794.798.739	15
2019	96.462.106	0,96	916.144	-80.000	30,90	1,98	311	37,00	35.686.730	1,25	7.713.468.100	15
2018	95.545.962	1,00	945.314	-80.000	30,90	1,98	308	36,30	34.658.961	1,25	7.631.091.040	15

Nguồn: https://danso.org/viet-nam

Trong năm 2021, dân số của Việt Nam dự kiến sẽ tăng 830.246 người và đạt 98.564.407 người vào đầu năm 2022. Gia tăng dân số tự nhiên được dự báo là dương vì số lượng sinh sẽ nhiều hơn số người chết đến 912.801 người. (Nguồn: https://danso.org/viet-nam/#thap)

b. Về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên

Dựa trên khuyến nghị của Tổ chức Lao động quốc tế ILO, từ quý I năm 2021, Tổng cục Thống kê chính thức công bố các chỉ tiêu thống kê về lao động việc làm dựa theo tiêu chuẩn ICLS 19 thay thế cho khung tiêu chuẩn cũ là ICLS 13. Tiêu chuẩn ICLS 19 ra đời thay thế tiêu chuẩn ICLS 13 trong bối cảnh tốc độ khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới đã chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường hiện đại với tình trạng phụ thuộc vào các sản phẩm tự cung tự cấp hầu như không đáng kể. Theo tiêu chuẩn mới ICLS 19, những người làm việc với mục đích sản xuất sản phẩm tự cung tự cấp trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sẽ không được xác định là những người có việc làm như quy định trước đây của tiêu chuẩn ICLS 13.

KHÁC BIỆT GIỮA VIỆC TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ LAO ĐỘNG VIỆC LÀM QUÝ 1/2021 VỚI CÁC QUÝ TRƯỚC (TCTK, 2021)

ICLS13		ICLS19
Là những người từ 15 tuổi trở lên làm việc (không bị pháp luật cấm) để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ nhằm mục đích tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.	**KHÁI NIỆM LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM**	Là những người từ 15 tuổi trở lên làm việc (không bị pháp luật cấm) để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với mục đích được trả công, trả lương hoặc để thu lợi nhuận.
Được coi là lao động có việc làm	**LAO ĐỘNG SẢN XUẤT RA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH ĐỂ BẢN THÂN VÀ GIA ĐÌNH SỬ DỤNG**	Không được coi là có việc làm
Những người thất nghiệp là những người từ 15 tuổi trở lên không có việc làm, hiện đang tìm việc và sẵn sàng làm việc. Ngoài ra, người thất nghiệp còn bao gồm những người sẵn sàng làm việc và không tìm việc do: • Đã chắc chắn có được công việc hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh để bắt đầu sau thời kỳ tham chiếu; • Phải tạm nghỉ do cơ sở bị thu hẹp hoặc ngừng sản xuất; • Đang trong thời gian nghỉ thời vụ;	**KHÁI NIỆM LAO ĐỘNG THẤT NGHIỆP**	Những người thất nghiệp là những người từ 15 tuổi trở lên không có việc làm, hiện đang tìm việc và sẵn sàng làm việc hoặc những người không tìm việc nhưng chắc chắn có được công việc hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh để bắt đầu thực hiện sau thời kỳ tham chiếu; Những người không tìm việc vì nhiều lý do nhưng sẵn sàng làm việc được xác định là lao động không sử dụng hết tiềm năng.

- Bận việc đột xuất của GĐ, hoặc ốm đau tạm thời

Quý 1/2021, LLLĐ từ 15 tuổi trở lên là 51,0 triệu người, đến quý 2/2021 là 51,1 triệu người, trong đó số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 49,9 triệu người, như vậy đến giữa năm 2021 nước ta có 1,2 triệu người đang không có việc làm.

Hình 2: Lực lượng lao động các quý, giai đoạn 2019-2021 (đơn vị: triệu người)

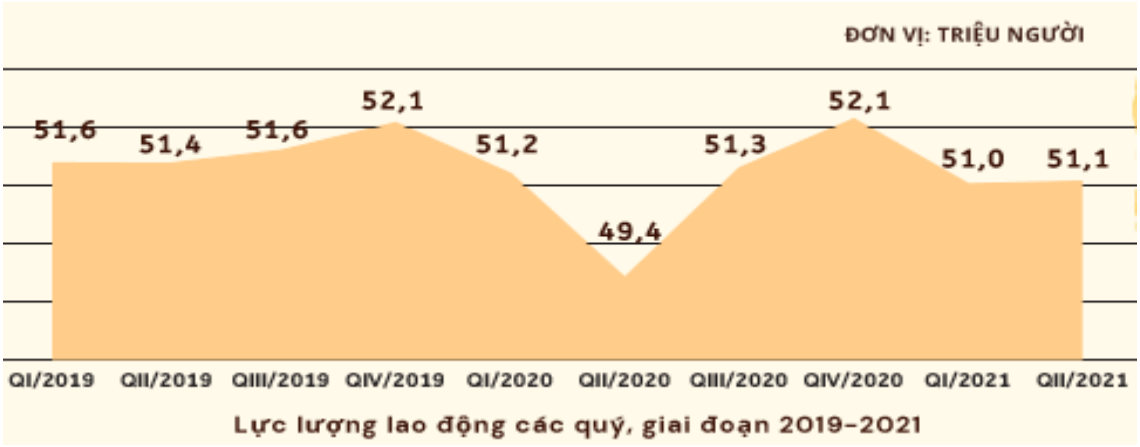

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Lao động việc làm tác động của Covid-19 - Quý II/2021)

Tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật quý I/2021 là 13,26 triệu người, trong đó có trên 6 triệu người có trình độ đại học trở lên chiếm 45,7% (Hình 3). Tỷ lệ lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có bằng/chứng chỉ là 26%, đã tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước.

Hình 3: Số lượng lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có bằng/chứng chỉ, quý I/2020 và quý I/2021 (đơn vị: triệu người)

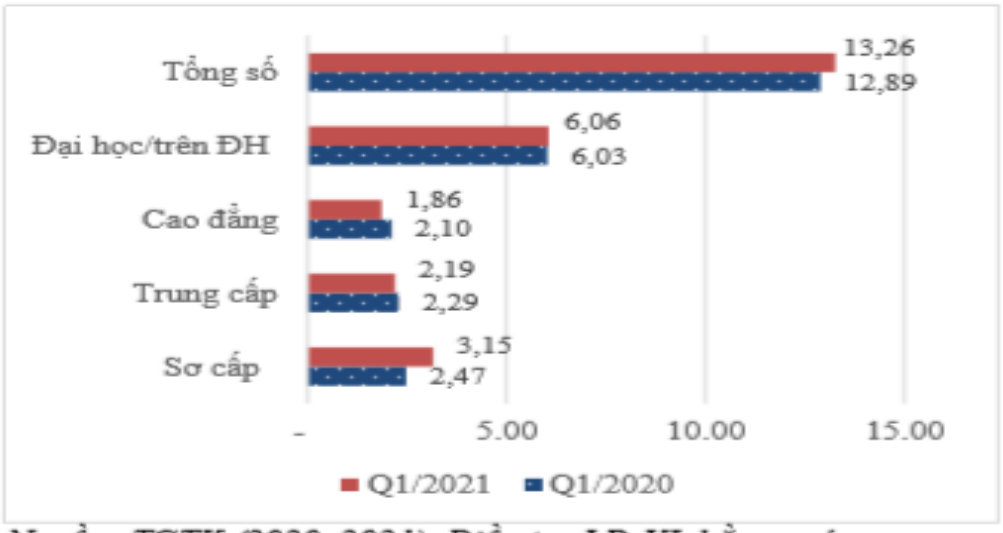

Nguồn: TCTK (2020, 2021), Điều tra LĐ-VL hằng quý

(Nguồn: Tổng cục Thống kê: Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam - Quý I/2021)

Đến quý 2/2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 26,1%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với quý trước và cao hơn 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ qua đào tạo của lao động khu vực thành thị đạt 41,1%, cao hơn 2,3 lần so với khu vực nông thôn (17,6%).

2. Việc làm và tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động

a. Việc làm

Dịch covid-19 bùng phát đã làm giảm việc làm đối với người lao động.

Hình 4: Số người có việc làm ở quý 1/2021

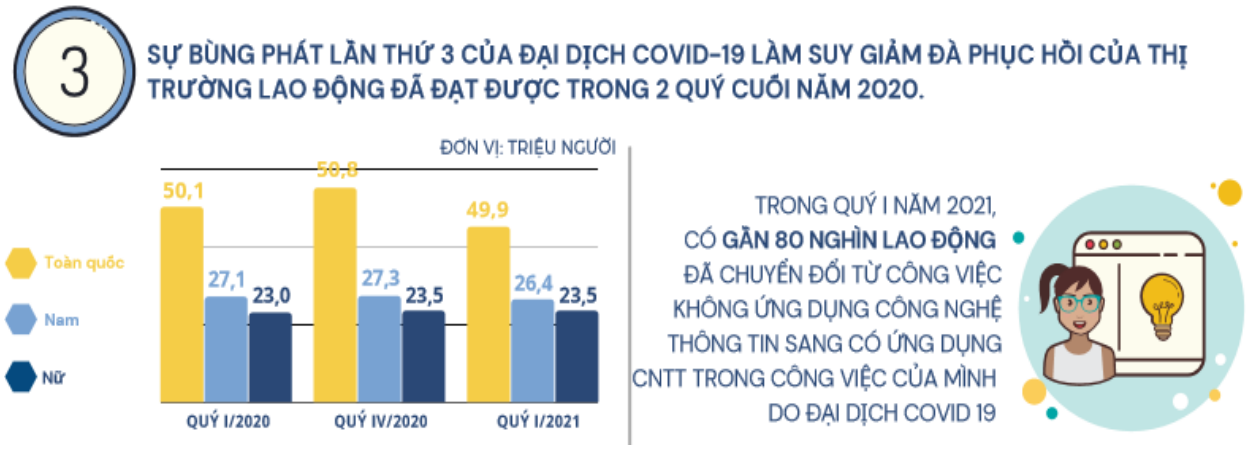

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Lao động việc làm tác động của Covid-19 - Quý I/2021

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong quý II năm 2021 là 49,9 triệu người, giảm 65 nghìn người so với quý trước và tăng gần 1,8 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ở khu vực nông thôn là 31,8 triệu người; lao động có việc làm ở nữ là gần 23,4 triệu người.

Hình 5: Số lao động có việc làm trong quý 2/2021

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Lao động việc làm tác động của Covid-19 - Quý II/2021

Số lao động sản xuất tự sản tự tiêu (lao động trong khu vực nông lâm nghiệp thủy sản sản xuất ra sản phẩm với mục đích chủ yếu để cá nhân, gia đình sử dụng) quý II năm 2021 là 4,2 triệu người (tăng gần 0,6 triệu người so với quý trước và 0,5 triệu người so với cùng kỳ năm trước), số lao động này chủ yếu tăng ở khu vực nông thôn.

b. Thất nghiệp

Theo tổ chức Lao động quốc tế (ILO): "Thất nghiệp là tình trạng tồn tại một số người trong lực lượng lao động muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức tiền lương thịnh hành".

Ở Việt Nam, thất nghiệp là vấn đề mới nảy sinh trong thời kỳ chuyển đổi nền kinh tế cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường. Vì vậy, tuy chưa có văn bản pháp qui về thất nghiệp cũng như các vấn đề có liên quan đến thất nghiệp, nhưng có nhiều công trình nghiên cứu nhất định. Những nghiên cứu bước đầu khẳng định thất nghiệp là những người không có việc làm, đang đi tìm việc và sẵn sàng làm việc.

Quý 1/2021, cả nước có gần 1.093 nghìn người trong độ tuổi thất nghiệp, giảm 127,2 nghìn người so với quý trước nhưng cao hơn 9,5 nghìn người so với quý 4/2020. Thanh niên chiếm 37,33% tổng số người thất nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,46%, thấp hơn so với quý trước nhưng cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp thành thị là 3,23%; tỷ lệ thất nghiệp thanh niên là 7,44%. Quy mô người thất nghiệp cao nhất ở nhóm không có bằng cấp/chứng.

Hình 6. Quy mô thất nghiệp trong độ tuổi lao động chia theo trình độ CMKT *(nghìn người)*

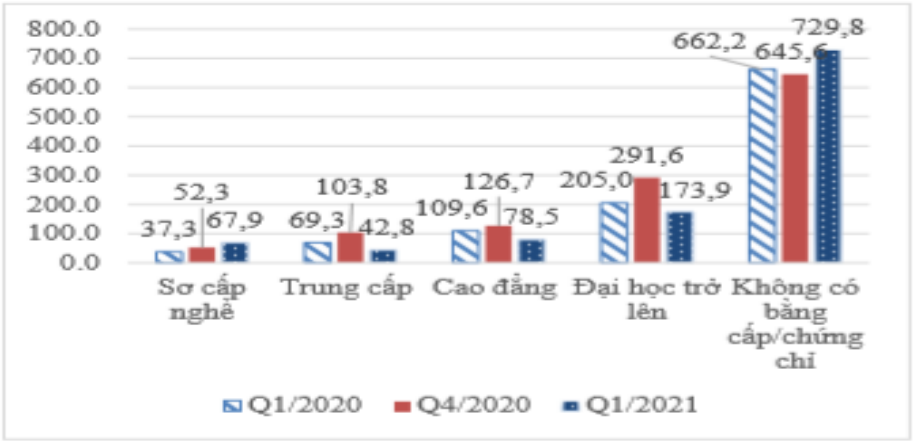

Nguồn: TCTK (2020, 2021), Điều tra LĐ-VL hằng quý

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động *(Trong độ tuổi lao động bao gồm: nam từ 15 đến 59 và nữ từ 15 đến 54 (từ năm 2020 trở về trước); nam từ 15 đến 60 tuổi 3 tháng và nữ từ 15 đến 55 tuổi 4 tháng (năm 2021 – theo Bộ luật Lao động 2019).)* quý II năm 2021 là gần 1,2 triệu người tăng 87,1 nghìn người so với quý trước và giảm 82,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý II năm 2021 là 2,62%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi của khu vực thành thị là 3,36%.

Số thanh niên từ 15-24 tuổi thất nghiệp trong quý II năm 2021 là 389,8 nghìn người, chiếm 31,8% tổng số người thất nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên quý II năm 2021 là 7,47%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 9,57%, cao hơn 3,11 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn.

Theo đánh giá chung của Tổng cục Thống kê, khi dịch covid-19 diễn ra, đã có ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề việc làm của người lao động. Cụ thể:

Hình 7: Quý 1/2021

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Lao động việc làm tác động của Covid-19 - Quý I/2021

Hình 8: Quý 2/2021

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Lao động việc làm tác động của Covid-19 - Quý II/2021

c. Lao động thiếu việc làm

Quý 1/2021, cả nước có 952,5 nghìn lao động trong độ tuổi thiếu việc làm (trong đó 74,96% lao động nông thôn; 43,65% làm việc trong NLTS). Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 2,2%; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 2,61%, khu vực thành thị là 1,49%. Lao động thiếu việc làm có số giờ làm việc bình quân là 24,64 giờ/tuần, chỉ bằng 58,61% tổng số giờ làm việc bình quân của lao động cả nước (42,04 giờ/tuần).

Thiếu việc làm trong độ tuổi của quý II/2021 là 1,1 triệu người, tăng 173,5 nghìn người so với quý trước và giảm 137,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý II năm 2021 là 2,60%, tăng 0,4% so với quý trước và giảm 0,38% so với cùng kỳ năm trước. Sự bùng phát nhanh hơn, mạnh hơn, khó kiểm soát hơn của dịch Covid-19 lần thứ tư đã làm tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị tăng cao hơn so với khu vực nông thôn (tương ứng là 2,80% và 2,49%). Xu hướng này khác biệt với xu hướng thường thấy được qua các năm trước với tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn thường cao hơn so với khu vực thành thị. Xét theo ba khu vực kinh tế, tỷ trọng lao động thiếu việc làm trong độ tuổi quý II/2021 ở khu vực dịch vụ là cao nhất với 35,8%, tiếp theo là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với 35,6%.

Hình 9: Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Lao động việc làm tác động của Covid-19 - Quý II/2021

d. Thu nhập

Quý 1/2021, thu nhập của lao động làm công hưởng lương từ công việc chính đạt bình quân 7,14 triệu đồng/tháng, tăng 350 nghìn đồng (5,15%) so với quý 4/2020 và giảm 200 nghìn đồng (-2,72%) so với cùng kỳ năm 2020. Tổng thu nhập bình quân tháng từ tất cả các công việc của lao động làm công hưởng lương đạt 7,23 triệu đồng, tăng 380 nghìn đồng so với quý 4/2020 (5,55%).

Thu nhập của lao động làm công ăn lương quý II đạt 6,8 triệu đồng, giảm 411 nghìn đồng so với quý trước và tăng 455 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân của lao động nam làm công hưởng lương cao hơn lao động nữ 1,2 lần (tương ứng 7,3 triệu đồng so với 6,2 triệu đồng); thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao hơn 1,3 lần so với thu nhập của lao động ở nông thôn (tương ứng 7,7 triệu đồng so với 6,1 triệu đồng).

Thu nhập bình quân tháng của lao động quý II năm 2021 đạt 6,1 triệu đồng, giảm 226 nghìn đồng so với quý trước (quý 1/2021 là 6,3 triệu đồng). Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao hơn lao động nữ 1,44 lần (7,1 triệu đồng so với 4,9 triệu đồng); thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao hơn lao động ở khu vực nông thôn 1,41 lần (7,5 triệu đồng so với 5,3 triệu đồng).

3. Nguyên nhân

Sự bùng phát của dịch Covid-19 ở Việt Nam ngay dịp chuẩn bị Tết nguyên đán năm 2021 và trong tháng 4 năm 2021 đã ảnh hưởng rất lớn tới sản xuất của các doanh nghiệp. Đặc biệt đợt dịch thứ tư kéo dài 4-5 tháng, tính từ sau 30/4 đến nay đã làm cho rất nhiều doanh nghiệp khủng hoảng, không thể duy trì hoạt động sản xuất, và đã tuyên bố giải thể. Trong 6 tháng đầu năm nay, có 70,2 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm 2020. Trung bình mỗi tháng có 11,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Tính đến cuối tháng 8/2021, tại các tỉnh, thành phía Nam đã có gần 2,5 triệu lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phải ngừng việc, chiếm 70% số lao động phải ngừng việc của cả nước.

TP Hồ Chí Minh là một trong những địa phương có số doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh đạt kỷ lục trong giai đoạn 2016 – 2020 với hơn 23.000 doanh nghiệp, hơn 625.000 người lao động ở các quận, huyện, TP Thủ Đức và các khu chế xuất, khu công nghiệp ở thành phố bị mất việc, ngừng việc.

Tương tự, tại đồng bằng sông Cửu Long, đợt bùng phát dịch COVID-19 lần thứ 4 cũng tác động mạnh đến cả cung và cầu lao động ở khu vực này. Ông Nguyễn Phương Lam, Giám đốc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Chi nhánh tại Cần Thơ cho biết: Sự bùng phát của dịch COVID-19 lần thứ 4 trong 3 tháng 6, 7 và 8 đã khiến gần 10.000 doanh nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long rút khỏi thị trường. Cũng từ tháng 6

đến hết tháng 8/2021, gần 90% doanh nghiệp trong khu vực đã tạm ngưng hoạt động. Điều này đồng nghĩa với số lượng lớn người lao động rơi vào tình trạng phải nghỉ việc, không có việc làm.

4. Giải pháp

Thực hiện tốt các chỉ thị của Chính phủ về phòng chống dịch.

Triển khai chiến dịch tiêm chủng vacxin rộng trong cả nước, góp phần kiểm soát dịch để đưa cuộc sống trở về trạng thái bình thường mới theo đúng phương châm mà thủ tướng chính phủ Phạm Minh Chính đã phát biểu: "vacxin tốt nhất là vacxin tiêm sớm nhất".

Các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch làm sao vừa đảm bảo an toàn về sức khỏe, tránh lây nhiễm cho người lao động vừa có hiệu quả trong sản xuất

Các địa phương và các đơn vị sản xuất làm tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức và thái độ của người dân và người lao động trong phòng tránh dịch bệnh: giữ khoảng cách an toàn khi bắt buộc phải có tiếp xúc, thực hiện 5k, khai báo y tế, hạn chế di chuyển hay tập trung nơi đông người…

Mỗi cá nhân phải tự bảo vệ sức khỏe của chính mình và gia đình mình thì chính là bảo vệ sức khỏe của cả cộng đồng.